

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 28/8/2024

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Ông Trương Công Thi

Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 345/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Phan Đức D** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2024/HS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

PHAN ĐỨC DƯƠNG, sinh ngày 21/11/1966 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: **K Hải Phòng, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông **Phan Châu T** và bà **Trần Thị Xuân B**; có vợ là **Lê Thị Bích L** và 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2018, bị **Công an quận T, thành phố Đà Nẵng** xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; (Đã chấp hành xong). Năm 2019, bị **Công an phường T, quận T** xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc trái phép; (Đã chấp hành xong). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2023, hiện đang bị tạm giam. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo **Phan Đức D**: Luật sư **Bùi Xuân N** – Công ty **L4**, thuộc **Đoàn luật sư thành phố Đ**, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo **Lê Khắc Q**, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Từ năm 2014 đến năm 2023, **Lê Khắc Q** đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối là có mối quan hệ với nhiều người làm việc trong các cơ quan Nhà nước, có thể xin giảm nhẹ hình phạt tù, xin vào biên chế ngành Công an, có thể vay vốn Ngân hàng, nhưng sau khi nhận được tiền thì các bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng tháng 01/2021, **Phan Đức D** mặc dù biết rõ **Lê Khắc Q** không có khả năng để lo giảm án cho người khác, nhưng khi biết bà **Võ Thị H** có nhu cầu xin giảm án cho con trai là **Bùi Văn M** đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** khởi tố, bắt tạm giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thì **D** đã giới thiệu bà **H** đến gặp **Lê Khắc Q** để nhờ giúp xin giảm án. **Q** nói bản thân quen biết nhiều người trong cơ quan Nhà nước và đồng ý lo giúp cho **M** từ mức án tử hình xuống còn từ 14 đến 15 năm tù giam với số tiền 2.000.000.000 đồng thì bà **H** đồng ý.

Ngày 15/01/2021, bà **H** đi cùng cháu nội là **Bùi Vĩnh L1** (sinh năm: 1990; trú: **K N, phường A, quận T**) và con dâu là **Ngô Thị Kiều L2** (sinh năm: 1995) đến một quán cà phê (không rõ địa chỉ) trên **đường T, thành phố Đà Nẵng**. Tại đây, bà **H** đã đưa cho **Q** 500.000.000 đồng. Đến ngày 18/01/2021, bà **H** đi cùng với **L1** và **L2** đến quán cà phê “Gỗ”, **số D đường T, thành phố Đà Nẵng** đưa cho **Q** 1.500.000.000 đồng, **Q** bảo **D** viết một giấy nhận tiền 2.000.000.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt được **Q** khai chia cho **D** 200.000.000 đồng, tuy nhiên **D** khai **Q** chỉ đưa cho **D** số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại Quốc góp 1.100.000.000 đồng cùng với bà **Võ Thị Bích H1** (người sống chung như vợ chồng với **Q**) mua thửa đất tại **số C A, phường A, quận S**, sau đó góp thêm 400.000.000 đồng xây nhà tại thửa đất trên (chị **H1** đã trả lại cho **Q** số tiền 400.000.000 đồng này). Số tiền còn lại **Q** tiêu xài cá nhân và trả nợ hết.

Sau khi **Bùi Văn M** vẫn bị tuyên án tử hình, bà **H** liên hệ đòi lại tiền thì đến ngày 25/11/2021 **Q** viết giấy nhận 2.000.000.000 đồng với nội dung mượn tiền từ anh **Bùi Vĩnh L1** để lo một số việc và hứa hẹn nhiều lần sẽ trả nhưng **Q** không thực hiện và tắt máy không liên lạc với bà **H**.

Vụ thứ hai:

Ông Nguyễn Tiến C và Lê Khắc Q là đồng hương. Năm 2014, Q biết anh C có con trai đang đi nghĩa vụ trong lực lượng Công an và có nhu cầu xin cho con vào biên chế ngành Công an, nên Q nói dối với ông C là có quen biết với nhiều người có chức vụ trong các cơ quan pháp luật, có thể xin được con ông C vào biên chế Công an, Q không nói với ông C cụ thể số tiền để lo giúp bao nhiêu, chỉ nói đưa trước 100.000.000 đồng, nếu không thực hiện được sẽ hoàn trả. Ông C tin tưởng nên đồng ý.

Ngày 26/7/2014, tại một quán cà phê trên đường T, thành phố Đà Nẵng, ông C đưa cho Q 100.000.000 đồng, Q viết giấy nhận tiền. Sau đó, Q liên lạc yêu cầu ông C tiếp tục đưa tiền làm chi phí, nên vào ngày 10/10/2014 và 10/11/2014, ông C lần lượt đưa thêm cho Q 50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng (02 lần này Q không viết giấy nhận tiền). Đến năm 2015, con trai ông C vẫn không vào được biên chế Công an, ông C đòi tiền thì Q trốn tránh không nghe điện thoại, ông C đòi nhiều lần thì đến ngày 15/5/2016, Q có chuyển khoản trả cho ông C 30.000.000 đồng, số tiền còn lại Q chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba:

Khoảng tháng 3/2017, thông qua các mối quan hệ xã hội ông Nguyễn Khánh T1 gặp Lê Khắc Q. Qua trao đổi, Q biết ông T1 có con gái là Nguyễn Lưu Tường V bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H khởi tố, bắt tạm giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và muốn nhờ Q lo giảm án. Q nói có thể giúp cho V được giảm án từ 07 năm xuống còn 03 năm với giá 300.000.000 đồng, ông T1 tin tưởng nên đồng ý.

Ngày 08/5/2017, ông T1 đến nhà Q thuê trên đường N, phường H, quận C đưa cho Q 200.000.000 đồng, Q viết giấy nhận tiền và đưa ông T1 giữ. Sau đó, Q tiếp tục liên lạc hỏi thúc ông T1 phải đưa đủ số tiền còn lại nếu không sẽ không giúp nữa. Ngày 10/5/2017, ông T1 tiếp tục đến nhà Q đưa 100.000.000 đồng, Q ghi nhận 100.000.000 đồng vào giấy nhận tiền trước đó. Khoảng một tuần sau, Q liên lạc nói với ông T1 có thể lo giảm cho V từ 03 năm xuống án treo với điều kiện phải đưa thêm 150.000.000 đồng, ông T1 đồng ý nên vào ngày 17/5/2017 và ngày 21/5/2017, ông T1 lần lượt đưa thêm 100.000.000 đồng và 50.000.000 đồng cho Q. Cũng như lần trước, Q ghi thêm số tiền nhận vào tờ giấy nhận tiền.

Sau khi biết Nguyễn Lưu Tường V bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu xử phạt 07 năm tù giam, ông T1 đòi lại tiền thì vào ngày 28/10/2017 Q viết giấy với nội dung mượn ông T1 450.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/12/2017 sẽ trả lại, nhưng đến ngày hẹn thì Q không thực hiện, ông T1 gọi điện thì Q cắt liên lạc, trốn tránh không tiếp xúc. Sau đó, ông T1 tiếp tục đòi thì Q trả cho ông T1 100.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ tư:

Năm 2020, bà Nguyễn Thị T2 cho bạn tên T3 (không rõ lai lịch) mượn 20.000.000.000 đồng để kinh doanh bất động sản, sau đó bà T2 bị mất liên lạc với T3. Đến tháng 3/2022, qua giới thiệu của bà Phạm Thị N1, bà T2 đến gặp Lê Khắc Q thì Q nói dối là Q làm trong ngành Công an, nên bà T2 nhờ Q tìm T3 để thu hồi số tiền trên. Q đồng ý và khẳng định trong 06 tháng sẽ thu hồi được tiền và nói bà T2 ứng trước số tiền 300.000.000 đồng để lo cho các “sếp”.

Ngày 25/3/2022, bà T2 đến bãi xe 555 trên đường N, thành phố Đà Nẵng đưa cho Q 100.000.000 đồng. Ngày 04/4/2022, bà T2 sử dụng tài khoản M1 số 3080116667888 chuyển vào tài khoản M1 số 0933343343 mang tên Lê Khắc Q số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền nhận được, Q tiêu xài cá nhân hết. Bà T2 chưa thấy giải quyết nên liên lạc thì Q nói bà T2 tiếp tục đợi. Đến tháng 4/2023, vẫn không giải quyết được, bà T2 yêu cầu Q trả tiền thì Q trả 150.000.000 đồng, số tiền còn lại Q tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ năm:

Đầu tháng 01/2021, qua giới thiệu của anh Nguyễn Bảo C1, bà Phạm Lý Nhật L3 gặp nhờ Lê Khắc Q lo giảm án cho chồng bà L3 là Lê Phước Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ khởi tố, bắt tạm giam về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, Q nói sẽ lo giúp cho Đ thoát tội với chi phí là 1.000.000.000 đồng, nếu không giúp được thì sẽ trả lại tiền.

Khoảng cuối tháng 01/2021, tại một quán cà phê thuộc địa bàn quận S, thành phố Đà Nẵng, bà L3 đã đưa 300.000.000 đồng cho Q, đến ngày 05/02/2021, bà L3 tiếp tục đến địa điểm trên đưa cho Q 700.000.000 đồng, Q viết giấy nhận 1.000.000.000 đồng từ bà L3. Sau khi nhận tiền, Q không làm gì mà chiếm đoạt số tiền này. Sau khi biết chồng bị tuyên án 07 năm 06 tháng tù giam, bà L3 đòi tiền nhiều lần thì Q trả nhiều lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại Q tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ sáu:

Khoảng tháng 8/2021, Công an tỉnh Q thông báo chủ trương tuyển chọn công dân là Công an xã bán chuyên trách vào Công an nhân dân, ông Nguyễn Hữu T4 nhờ ông Lê Hồng S tìm người xin giúp vào ngành Công an. Do có mối quan hệ đồng hương nên ông S đã liên hệ và được Lê Khắc Q đồng ý với chi phí 300.000.000 đồng. Ông S nhận từ ông T4 300.000.000 đồng rồi chuyển vào tài khoản cho Lê Khắc Q. Số tiền nhận được, Q tiêu xài hết. Khi Công an tỉnh Q công bố quyết định nhưng không có tên ông Nguyễn Hữu T4, ông S liên lạc thì Q nói chờ chỉ tiêu riêng hơi lâu và tin tưởng chờ đợi. Sau đó, ông S đọc báo biết Q bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ khởi tố, bắt tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên làm đơn tố cáo.

Vụ thứ bảy:

Qua các mối quan hệ xã hội, ông **Lê Văn D1** quen biết với **Lê Khắc Q.** Quá trình tiếp xúc, **Q** nói quen biết với Tổng giám đốc **Ngân hàng M2** có thể giúp vay vốn cho những trường hợp bị vướng mắc không thể vay bình thường. Ông **D1** đã liên hệ và được **Q** đồng ý giúp vay với chi phí ban đầu là 50.000.000 đồng. Trưa ngày 01/7/2023, ông **D1** chuyển khoản trước 15.000.000 đồng vào tài khoản **M1** 0933343343 của **Q**. Chiều cùng ngày, ông **D1** gặp **Q** tại quán cà phê gần bãi xe 555 đưa cho **Q** 35.000.000 đồng, **Q** nói trong vòng 30 ngày, họ sẽ chốt giải ngân, ông **D1** nói **Q** viết giấy nhận tiền nhưng **Q** không đồng ý. Sau khi nhận tiền, **Q** sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau đó, ông **D1** đọc báo thấy **Q** bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ** khởi tố, bắt tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên làm đơn tố cáo.

Tại Kết luận giám định số 615/KL-KTHS ngày 14/7/2023 của **Phòng K Công an thành phố Đ** kết luận: “Chữ viết, chữ ký mang tên **Phan Đức D** và **Lê Khắc Q** trong các tài liệu cần giám định với chữ viết, chữ ký của **Phan Đức D** và **Lê Khắc Q** trên các tài liệu so sánh do cùng một người viết và ký ra”.

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2024/HS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo **Lê Khắc Q**, **Phan Đức D** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Khắc Q** 19 (Mười chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05/7/2023.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Phan Đức D** 12 (Mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 25/7/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, kiến nghị, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo của

bị cáo **Phan Đức D** là hợp lệ, trong thời hạn luật định, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **Phan Đức D**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tính chất hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Phan Đức D** đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như Bản án sơ thẩm đã xác định, lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến tháng 07 năm 2023, tại thành phố Đà Nẵng, bị cáo **Lê Khắc Q** đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc mình có mối quan hệ với nhiều người làm việc trong các cơ quan Nhà nước có thể xin giảm nhẹ hình phạt đối với các đối tượng vi phạm pháp luật hình sự (*chạy án*), có thể xin vào biên chế ngành Công an (*chạy việc*), thu hồi nợ giùm hoặc giúp có thể vay vốn Ngân hàng; qua đó, bị cáo **Lê Khắc Q** đã chiếm đoạt của 07 người bị hại với tổng số tiền 4.270.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Khắc Q** 19 (*Mười chín*) năm tù, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo **Q** không kháng cáo.

Đối với bị cáo **Phan Đức D**: Trong 07 vụ án lừa đảo chiếm đoạt do bị cáo **Lê Khắc Q** thực hiện, bị cáo **Phan Đức D** đã có hành vi đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo **Q** 01 vụ, cụ thể, do có mối quan hệ quen biết, bị cáo **D** đã giới thiệu bà **Võ Thị H** đến gặp **Lê Khắc Q** để nhờ **Q** “*chạy án*” cho con của bà **H** là **Bùi Văn M** do Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử, không bị mức án cao về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, **Q** đã yêu cầu bà **Võ Thị H** đưa cho **Q** số tiền 2.000.000.000 đồng, bà **H** đã 02 lần đưa tiền cho **Q**, lần thứ nhất 500.000.000 đồng, lần thứ hai đưa cho **Q** 1.500.000.000 đồng, khi đưa tiền lần thứ 02 cho **Q**, bị cáo **D** đã viết giấy nhận tiền, số tiền 2.000.000.000 đồng để giao giấy nhận tiền cho bà **H** làm tin, sau khi bị cáo **Lê Khắc Q** nhận được tiền của bà **H** thì **Q** đã chiếm đoạt sử dụng vào việc cá nhân và có đưa cho bị cáo **D** 20.000.000 đồng. Với diễn biến nêu trên của bị cáo **Phan Đức D**, tại Bản án sơ thẩm đã xác định hành vi của bị cáo **D** có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo **Lê Khắc Q** “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bà **H** số tiền 2.000.000.000 đồng và đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Đức D** 12 (*Mười hai*) năm tù là có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phan Đức D**, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo điều luật quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù hoặc tù Chung thân, xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và hậu quả do các bị cáo gây ra, nhận thấy, đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, đã dùng thủ đoạn phạm tội là chạy án, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, sự hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước nói chung và các cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng. Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo, bồi thường khắc phục hậu quả, gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, xem xét về nhân thân của các bị cáo **D**, xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt chỉ ở mức khởi điểm của khung hình phạt, bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ gì mới, do vậy, Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phan Đức D**.

[3]. Về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và các vấn đề khác có liên quan trong vụ án tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo **Phan Đức D** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phan Đức D**, giữ nguyên Quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2024/HS-ST

ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bị cáo **Phan Đức D**.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt: Bị cáo **Phan Đức D** 12 (Mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và các vấn đề khác có liên quan trong vụ án tại phần Quyết định của Bản án sơ

thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Phan Đức D** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng (03);
- Công an thành phố Đà Nẵng (03);
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- TTG CA thành phố Đà Nẵng (02);
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Thi